TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2021/DSPT
Ngày: 29/9/2021
V/v tranh chấp
hợp đồng hợp tác

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Hà Huy Hùng

Ông Lê Thanh Hùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2021/TLPT-DS ngày 20/8/2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng hợp tác".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 13/7/2021 của Toà án nhân dân huyện NS, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2021/QĐ-PT ngày 17/9/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968

Địa chỉ: Xóm 3, xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Hợp tác xã nông nghiệp NT.

Địa chỉ: Xóm 3, xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung T - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Trung T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn 2, xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3.2. Ông Cao Văn A, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Thôn 5, xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3.3. Ông Trần Trung T1, sinh năm 1956

Địa chỉ: Thôn 4, xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

3.4. Công ty trách nhiệm hữu hạn H Ph

Địa chỉ: Thôn 5, xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh Ph - Chức vụ: Giám đốc Công ty. Vắng mặt.

4. Người làm chứng có mặt tại phiên tòa: Ông Mau Xuân Th.

Địa chỉ: Thôn 5, xã NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa.

5. Người kháng cáo: Hợp tác xã nông nghiệp NT

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông tham gia góp vốn và làm việc tại Hợp tác xã nông nghiệp (HTX) xã NT từ cuối năm 1996 đến ngày 22/3/2017. Quá trình làm việc ông được HTX đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 01/2003 đến tháng 11/2015 là 12 năm 11 tháng. Ngày 24/3/2016, ông Trần Văn Đ (Chủ nhiệm HTX) chết. Tháng 12/2015, ông Nguyễn Trung T với vai trò là Ủy viên kiểm soát đã tự ý sử dụng con dấu, in ấn phát hành hóa đơn thu tiền điện có thuế GTGT 10% từ tháng 8/2015 đến tháng 3/2017; tự ý thay mặt ban quản lý ký vào các chứng từ kế toán thu, chi của HTX trái quy định; lập khống Nghị quyết Đại hội HTX ngày 22/10/2016, việc làm của ông T được Thanh tra UBND huyện NS chỉ ra sai phạm, yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục. Vì những lý do trên, dẫn đến tài sản, vốn góp, chế độ, quyền lợi đóng bảo hiểm của ông bị HTX NT xâm phạm, ông đã khiếu nại đến các cấp có thẩm quyền nhưng không được giải quyết thỏa đáng nên ông khởi kiện yêu cầu HTX NT trả lại cho ông tài sản gồm:

- Tiền vốn góp điều lệ (khẩu phần xã viên) là 3.500.000đ; tiền vốn vay (huy động) trả nợ lưới điện dự án REII từ năm 2007 đến năm 2012 là 20.000.000đ; tiền vay tham gia dự án REII = 10.000.000đ, tổng là 33.500.000đ.

- Tiền lãi 1%/tháng của 33.500.000đ (từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2020 = 84 tháng x 1% x 335.000đ/tháng) = 28.140.000đ.

- Tiền lương của ông từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2017 = 17 tháng x 1.400.000đ/tháng = 23.800.000đ.

- Yêu cầu HTX NT trả sổ bảo hiểm cho ông và khắc phục số tiền HTX NT chưa đóng bảo hiểm cho ông từ tháng 11/2015 đến ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Tổng cộng các khoản ông yêu cầu HTX NT phải thanh toán là 85.440.000đ; và yêu cầu HTX NT, ông Nguyễn Trung T bồi thường danh dự, uy tín cho ông vì đã làm ông bị khai trừ ra khỏi Đảng, nay ông đã được khôi phục

Đảng, yêu cầu HTX NT báo cáo quyết toán tài chính từ năm 2014 đến năm 2020.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn HTX NT là ông Nguyễn Trung T trình bày:

Ông Nguyễn Văn C là Phó Chủ nhiệm HTX được giao toàn quyền quản lý về mảng điện (điều hành, sửa chữa, xử lý sự cố, mắc mới công tơ, đơn xin mắc mới công tơ, hợp đồng mua bán điện…), dẫn đến việc làm của ông C thiếu minh bạch. Tháng 8/2016, UBND huyện NS thành lập đoàn thanh tra HTX, HTX cung cấp số liệu mắc mới công tơ nhưng không được đoàn thanh tra xem xét do hết thời hạn thanh tra.

Ông Trần Văn Đ chết ngày 24/3/2016, ông C đã bỏ việc từ tháng 7/2015 nhưng đến ngày 01/5/2016, ông C vẫn dùng hợp đồng có chữ ký của ông Đ để mắc mới công tơ cho hộ ông Trương Văn Th1. Từ tháng 10/2010 đến tháng 6/2015, ông C tự ý mắc mới công tơ và thu tiền, không cho ai quản lý. Các loại dây cáp điện 03 pha nhân đồng và các cơ sở vật chất về điện của HTX từ tháng 7/2015 trở về trước do ông C trực tiếp quản lý.

Quan điểm của HTX NT về các nội dung khởi kiện của ông C: Về việc đòi HTX trả 30.000.000đ tiền góp vốn thực hiện dự án REII nay chưa đến thời hạn trả, sau năm 2026 các thành viên góp tiền mới được trả lại tiền (có bản cam kết kèm theo). Việc tính lãi 1%/tháng do dịch vụ điện chưa có lợi nhuận và phải tập trung trả tiền gốc và lãi hàng năm theo phân kỳ trả nợ của dự án, còn phải vay thêm nên cả 08 thành viên tham gia dự án chưa được thanh toán chứ không phải mình ông C. Việc ông C đòi giải quyết chế độ trả bảo hiểm: Trước hết ông C phải nộp 8,5% lương của người lao động theo quy định của Luật BHXH là 13.601.800đ. Việc ông C yêu cầu HTX khắc phục số tiền mà HTX chưa đóng bảo hiểm cho ông C từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2017 là vô lý, vì ông đã tự động bỏ việc từ tháng 7/2015, không làm việc, không đóng góp gì về thời gian công sức với HTX nên không có quyền lợi hưởng thụ.

Ngày 24/02/2020, HTX NT có đơn phản tố yêu cầu ông C phải thực hiện nghĩa vụ với HTX như sau: Trả lại số vật tư của HTX đang để nhà ông C gồm: Dây cáp đồng A7 = 36m x 650.000đ = 23.400.000đ, dây cáp nhôm A90 3 pha = 30m x 200.000đ = 6.000.000đ, dây cáp nhôm A90 3 pha = 30m x 200.000đ = 6.000.000đ, công tơ 3 pha + hộp = 1 cái = 1.000.000đ, dây cáp nhôm A50 bọc = 300m x 15.000đ = 4.500.000đ, cột điện sắt chữ V = 1 cây x 400 = 400.000đ, tổng cộng là 41.300.000đ; trả cho HTX tiền mắc mới công tơ từ năm 2010 đến năm 2016 là 165 công tơ với tổng số tiền 115.500.000đ; nộp lại số tiền đã làm giả giấy tờ xác nhận cho Công ty H Ph là 135.820.603đ; nộp số tiền truy thu

8,5% mức lương theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội là 13.601.800đ (từ tháng 01/2003 đến tháng 10/2015). Tổng số tiền ông C phải nộp lại cho HTX là 306.222.403đ.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông Nguyễn Trung T đề nghị Toà án xem xét đối trừ số tiền 3.500.000đ góp vốn và 30.000.000đ tiền góp vốn tham gia dự án REII (mặc dù số tiền trên đã cam kết phải đến năm 2026 mới trả) vào số tiền mà ông C mắc mới công tơ chưa nộp về quỹ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Trung T, Cao Văn A, Trần Trung T1 là thành viên của HTX NT đều trình bày: Việc ông C đòi chế độ lương và bảo hiểm từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2017 là không có căn cứ, đây là HTX cổ phần nguyên tắc có làm có hưởng, việc này đã được đại hội thành viên quyết định. Tại Đại hội HTX bất thường ngày 26/6/2016, đã bầu HĐQT không có ông C trong HĐQT, cũng tại Đại hội này đã quyết định không cấp lương cho ông C từ tháng 11/2015 trở đi do ông C đã tự động bỏ việc từ tháng 7/2015, không làm việc gì trong bộ máy ban quản lý HTX. Việc ông C đòi HTX trả lại sổ bảo hiểm trong quá trình công tác thì khi nào ông C nộp đủ 8,5% theo quy định của pháp luật. Việc ông C đòi lại số tiền cổ phần 3.500.000đ sau khi bị khai trừ ra khỏi thành viên nhất trí trả lại cho ông C. Số tiền 30.000.000đ góp vốn thực hiện dự án REII, theo thỏa thuận phải đến hết năm 2026 mới thanh toán, khi hoàn thành dự án mới trả.

Các ông hoàn toàn đồng ý với ý kiến của ông Nguyễn Trung T về các yêu cầu phản tố của HTX.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Minh Ph - Giám đốc Công ty TNHH H Ph trình bày: Công ty có ký hợp đồng mua bán điện với HTX và Chi nhánh điện lực NS. Tuy nhiên, công ty sử dụng điện tháng nào đã trả hết tiền điện tháng đó nên không có việc nợ tiền điện của HTX. Công ty không phát sinh nợ với HTX, HTX không đưa ra căn cứ để chứng minh Công ty đang nợ tiền điện HTX. Nếu đủ căn cứ đòi nợ, đề nghị HTX khởi kiện thành một vụ kiện khác đối với Công ty TNHH H Ph.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 13/7/2021 của Toà án nhân dân huyện NS căn cứ vào: Điều 504 và Điều 510 BLDS; Điều 51 Luật hợp tác xã; khoản 2 Điều 18; khoản 3 Điều 19; Điều 21 Luật BHXH; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 217; Điều 266; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 4, khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C:

- Buộc Hợp tác xã nông nghiệp NT, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa trả cho ông Nguyễn Văn C những khoản sau:

+ Số tiền vốn góp là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi 1%/tháng của số tiền góp vốn này tính từ năm 2014 đến năm 2020 là 2.905.000đ (Hai triệu chín trăm không năm nghìn đồng).

+ Tiền lãi 1%/tháng của số tiền 30.000.000đ từ tháng 01 năm 2014 đến tháng 12 năm 2020 là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng).

Tổng cộng số tiền HTXNN NT phải trả cho ông C là 30.405.000đ (Ba mươi triệu bốn trăm không năm nghìn đồng)

- Buộc HTXNN NT trả sổ bảo hiểm xã hội số 3811031921 ngày 09/8/2012 đứng tên ông Nguyễn Văn C cho ông C trực tiếp bảo quản.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu HTXNN NT trả tiền góp vốn trả nợ REII. Trả lại các tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu trả tiền góp vốn trả nợ REII cho ông C. Ông Nguyễn Văn C có quyền yêu cầu HTXNN NT trả tiền góp vốn trả nợ REII khi có đủ điều kiện khởi kiện.

3. Không chấp nhận các yêu cầu của ông C:

- Yêu cầu HTXNN NT trả lương cho ông từ tháng 11/2015 đến tháng 3/2017.

- Yêu cầu HTXNN NT khắc phục số tiền chưa đóng bảo hiểm cho ông từ tháng 11/2015 đến khi bản án có hiệu lực.

- Yêu cầu HTXNN NT và ông Nguyễn Trung T bồi thường danh dự, uy tín cho ông.

4. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của HTXNN NT đối với ông Nguyễn Văn C với tổng số tiền là 306.222.403đ. Bao gồm: trả lại số vật tư của HTX đang để nhà ông C giá trị là 41.300.000đ; ông C mắc mới công tơ giá trị là 115.500.000đ; nộp lại số tiền đã làm giả giấy tờ xác nhận cho Công ty H Ph là 135.820.603đ; nộp số tiền truy thu 8,5% mức lương theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội là 13.601.800đ.

Dành quyền khởi kiện cho HTXNN NT về những yêu cầu trên bằng vụ án khác khi có đủ căn cứ để khởi kiện.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, Luật Thi hành án dân sự, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2021, người đại diện theo pháp luật của HTXNN NT kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết các nội dung:

- Buộc ông Nguyễn Văn C phải nộp lại cho HTXNN NT số tiền 8,5% theo quy định tại Điều 85, 86 Luật Bảo hiểm là 13.601.800đ thì HTX mới

trả sổ bảo hiểm cho ông C.

- Yêu cầu làm rõ kho vật tư để tại nhà ông C và quy trách nhiệm cho ông C là phó chủ nhiệm được giao quản lý và chịu trách nhiệm về kỹ thuật, vật tư của toàn bộ lưới điện nếu để thất thoát phải bồi hoàn và thu lại số vật tư trị giá là 41.300.000đ về cho HTX.

- Ông C mắc 165 công tơ đã thu của các hộ với số tiền 115.500.000đ đang chiếm dụng chưa nộp về quỹ HTX theo biên bản họp ngày 04/11/2014 của Ban quản lý HTX do chính ông C làm chủ tọa.

- Thu lại cho HTX số tiền 135.820.603 do Công ty H Ph nợ tiền điện HTX theo kết luận số 166/BC-CANS ngày 15/5/2018 và một số văn bản khác

- Xem xét lại việc buộc HTX phải trả tiền lãi 1% của số tiền 30.000.000đ góp vốn tham gia dự án REII, ông C đã bỏ giữa chừng không tham gia và đã có thông báo số 01 ngày 22/9/2015 gửi cho ông C, ông C không còn là thành viên trong tổ tham gia dự án REII nên không phải chịu trách nhiệm về những khoản lỗ và lãi (nếu có) từ tháng 10/2015 trở đi. Nếu có tính lãi 1% thì chỉ tính cho ông C từ tháng 01/2014 đến tháng 10/2015, không được tính đến tháng 12/2020.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Các nội dung kháng cáo của HTXNN NT là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm; đương sự kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; kết quả tranh luận của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét các nội dung kháng cáo của HTX NT:

[1.1]. Buộc ông Nguyễn Văn C phải nộp lại cho HTX NT số tiền 8,5% theo quy định tại Điều 85, 86 Luật Bảo hiểm là 13.601.800đ;

Theo tài liệu do BHXH NS cung cấp thì ông C tham gia đóng BHXH từ tháng 01/2003 đến tháng 11/2015 đã được cấp sổ BHXH số 3811031929, ông C hoặc HTX NT không nợ tiền đóng BHXH. Công văn số 45/BHXH-NS ngày 28/11/2017 của BHXH huyện NS trả lời đơn đề nghị của ông C nêu rõ: Chủ sử dụng lao động phải bảo quản sổ BHXH của người lao động trong thời gian

người lao động làm việc và trả sổ BHXH cho người lao động khi người đó không còn làm việc.

Quá trình làm việc, HTX thừa nhận đang giữ sổ BHXH của ông C nhưng cho rằng ông C còn nợ HTX số tiền 13.601.800đ đóng bảo hiểm xã hội, căn cứ để HTX xác định việc ông C còn nợ HTX tiền BHXH theo mức người lao động phải đóng từ tháng 01/2013 đến tháng 11/2015 là Báo cáo về việc giải trình số liệu thu tiền bảo hiểm cá nhân của ông Nguyễn Văn C ngày 06/7/2019 của HTX.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông C trình bày tiền lương hàng tháng ông được nhận, HTX đã trừ tiền phải đóng BHXH sau đó mới trả lương cho ông và những người khác. Ông Cao Văn A trình bày hàng tháng HTX trích quỹ của HTX để nộp tiền BHXH (phần người lao động phải nộp) cho tất cả các thành viên của HTX có tham gia bảo hiểm, do đó ông C và những người khác đều không đóng BHXH, nay ông C muốn lấy sổ BHXH thì phải trả lại số tiền HTX đã đóng cho ông C.

Xét thấy, HTX cho rằng ông C nợ tiền đóng BHXH từ tháng 01/2003 đến tháng 11/2015, tuy nhiên trong suốt thời gian trên không có tài liệu chốt nợ nào giữa ông C và HTX đối với số nợ trên, không có tài liệu nào thể hiện việc ông C đang nợ tiền BHXH đối với HTX hoặc cơ quan bảo hiểm, danh sách trả lương Ban quản lý HTX hàng tháng cho các thành viên đều chỉ ghi "phần thực chi trả lương ban quản lý" không có nội dung gì liên quan đến tiền BHXH . Vì vậy, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của HTX về việc buộc ông C trả 13.601.800đ tiền nợ bảo biểm và buộc HTX trả sổ BHXH cho ông C là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Bảo hiểm xã hội, kháng cáo của HTX không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[1.2]. Về yêu cầu buộc ông C phải trả lại cho HTX số vật tư để tại nhà ông C trị giá 41.300.000đ.

Để chứng minh cho yêu cầu này, HTX đã xuất trình tài liệu gồm: Báo cáo ngày 31/12/2015 và việc kiểm kê tài sản vật tư 31/12/2015, trong đó có mục tài sản chưa được kiểm kê tại kho nhà ông Nguyễn Văn C gồm các loại dây cáp, công tơ, cột điện (không có số lượng và giá trị của mỗi loại tài sản); Báo cáo ngày 05/3/2020 về việc kiểm kê tài sản, vật tư ngày 31/12/2015, trong đó phần danh mục tài sản chưa được kiểm kê tại kho nhà ông C bao gồm các loại dây cáp, công tơ, cột điện có số lượng và giá trị là 41.300.000đ. Các báo cáo trên đều có nội dung kiểm kê vật tư tại kho nhà ông C nhưng ông C không tham gia, không có ý kiến đối với số vật tư ghi trong các báo cáo.

Xét thấy, ngoài các tài liệu nêu trên, HTX không có chứng cứ gì khác về

việc ông C giữ kho vật tư của HTX với số lượng và giá trị tài sản theo yêu cầu của HTX. Tại phiên tòa, người đại diện cho HTX và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng ông C là phó chủ nhiệm HTX được giao quản lý vật tư, nếu để thất thoát hoặc không giao lại cho HTX thì phải trả lại giá trị vật tư cho HTX, nhưng không có tài liệu thể hiện việc HTX giao cho ông C quản lý vật tư. Bản án sơ thẩm không chấp nhận nội dung phản tố này của HTX là có căn cứ, vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của HTX.

[1.3]. Về việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc HTX phải trả tiền lãi 1% của số tiền 30.000.000đ góp vốn tham gia dự án REII:

Các phiếu thu ngày 31/01/2013, 01/7/2013, 30/9/2014 mỗi phiếu thu 10.000.000đ của HTX thể hiện ông C đã góp cổ phần vào dự án REII số tiền 30.000.000đ.

Theo "Văn bản những quy định, cam kết, tham gia góp vốn cổ phần trả nợ REII" ký ngày 01/02/2013 giữa HTX và ông C có ghi thỏa thuận: Từ tháng 01/2013 HTX trả lãi 1% tháng, trả lãi 1 lần cho 12 tháng từ tháng 01/2013 đến hết tháng 11/2026, đảm bảo kế hoạch trả lãi lãi 1% tháng, trả 01 lần vào ngày 30/12 hàng năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của HTX trình bày do dự án chưa phát sinh lãi và đang phải nộp tiền đầu tư tiếp nên tất cả các thành viên tham gia dự án đều chưa được trả lãi, do đó không thể trả lãi cho mình ông C. Ông C đề nghị thực hiện theo cam kết đã ký và thừa nhận các khoản lãi đối với số tiền nộp trước ngày 01 năm 2014 ông đã nhận đủ nên không yêu cầu.

Xét thấy, theo văn bản cam kết ông C và HTX ký kết ngày 01/02/2013 thì từ tháng 01/2013 HTX trả lãi 1% tháng, trả mỗi năm 01 lần vào ngày 30/12 hàng năm đến hết tháng 11/2026 đối với số tiền tham gia góp vốn cổ phần dự án REII. Vì vậy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông C, buộc HTX phải trả lãi suất theo cam kết, thời gian trả lãi đối với các khoản tiền nộp ngày 31/01/2013 và 01/7/2013 tính từ 01/2014, khoản tiền nộp ngày 30/9/2014 tính từ ngày 01/10/2014 đến ngày 30/12/2020 là có căn cứ nên không chấp nhận nội dung kháng cáo của HTX.

[1.4] Về nội dung ông C mắc 165 công tơ, thu của các hộ dân 115.500.000đ nhưng đang chiếm dụng chưa nộp về quỹ HTX.

Tại phiên tòa HTX trình bày mức tiền thu của các hộ khi có hợp đồng mắc công tơ được quy định trong biên bản họp ngày 04/11/2014 của Ban quản lý HTX do chính ông C làm chủ tọa, toàn bộ số tiền thu được theo mức thu đã thống nhất ông C chưa nộp lại cho HTX, ngoài ra không còn tài liệu gì khác.

Ông C trình bày, ông phụ trách kỹ thuật nên khi các hộ dân ký hợp đồng lắp điện với HTX và nộp tiền cho HTX xong thì bộ phận kỹ thuật mới xuống lắp, ông không trực tiếp thu tiền của các hộ dân.

Xét thấy, Biên bản họp ngày 04/11/2014 của Ban quản lý HTX do ông C làm chủ tọa có thảo luận thống nhất mức thu mắc mới công tơ từ 1.500.000đ đến 1.700.000đ; tài liệu HTX xuất trình chỉ thể hiện các hộ dân ký hợp đồng với người đại diện theo pháp luật của HTX để lắp công tơ sử dụng điện trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2016, ông C ký vào các hợp đồng với tư cách là kỹ thuật viên, trong các hợp đồng không đề cập đến khoản tiền các hộ dân phải nộp và phương thức thanh toán. HTX hoạt động theo Điều lệ và nguyên tắc tài chính chung có theo dõi, hạch toán thu chi hàng năm nên việc HTX cho rằng ông C tự lắp công tơ, thu tiền của các hộ dân và đang chiếm dụng vốn là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của HTX.

[1.5]. Về nội dung đề nghị thu lại cho HTX số tiền 135.820.603đ do Công ty H Ph nợ tiền điện HTX theo Kết luận số 166/BC-CANS ngày 15/5/2018 của Công an huyện NS:

Công ty H Ph ký hợp đồng với HTX để sử dụng điện, trong quá trình thực hiện hợp đồng, HTX cho rằng ông C đang chiếm giữ 135.820.603đ tiền Công ty H Ph sử dụng điện và phải nộp cho HTX, tài liệu chứng minh là các hóa đơn tiền điện do HTX phát hành đối với người mua điện là Công ty H Ph, và 04 Biên bản đối chiếu công nợ ký kết giữa ông C với tư cách là phó chủ nhiệm HTX và Công ty H Ph thể hiện nội dung: Bên bán điện là HTX và bên mua điện là Công ty H Ph cùng thống nhất đối chiếu công nợ từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2016, từ ngày 01/01/2017 đến 30/01/2017, từ ngày 01/02/2017 đến 28/02/2017, từ ngày 01/3/2017 đến ngày 22/3/2017 Công ty H Ph không còn nợ tiền điện của HTX. Ngoài ra không còn tài liệu nào khác thể hiện ông C đã thu tiền điện của Công ty H Ph nhưng không nộp cho HTX.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo pháp luật của HTX và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận ngày 26/6/2016 ông Nguyễn Trung T được bầu là Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc HTX, còn ông C đã không làm việc tại HTX từ tháng 11/2015.

Xét thấy, trong vụ án này HTX không xuất trình được tài liệu thể hiện Công ty H Ph đã đóng tiền điện cho cá nhân ông C, Văn bản số 166/BC-CANS ngày 15/5/2018 của Công an huyện NS gửi lãnh đạo UBND huyện NS báo cáo kết quả và đề xuất hướng xử lý sau khi kiểm tra, xác minh liên quan đến việc ký, xác nhận của ông Nguyễn Văn C đối với công nợ của Công ty H Ph trong việc sử dụng điện sáng của HTX, không có nội dung buộc ông C phải giao lại

135.820.603đ cho HTX. Tuy nhiên, ông C đã ký vào các biên bản đối chiếu công nợ với Công ty H Ph, xác nhận Công ty H Ph không còn nợ tiền điện của HTX trong khoảng thời gian từ 01/01/2016 đến ngày 22/3/2017 nên HTX chưa thu được tiền sử dụng điện của Công ty H Ph. Như vậy, phải làm rõ các vấn đề Công ty H Ph đã nộp tiền sử dụng điện cho HTX chưa, nếu nộp thì nộp bằng hình thức nào, các biên bản đối chiếu công nợ ông C ký với Công ty H Ph có giá trị pháp lý không mới giải quyết được tranh chấp về việc nộp tiền sử dụng điện giữa Công ty H Ph và HTX. Vì vậy, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố này của HTX và giành quyền cho HTX khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác về nội dung này là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của HTX.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

[3]. Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của Hợp tác xã nông nghiệp NT.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2021/DS-ST ngày 13/7/2021 của Toà án nhân dân huyện NS.

2. Án phí phúc thẩm: Hợp tác xã nông nghiệp NT phải nộp 300.000đ án phí phúc thẩm, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0011095 ngày 28/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện NS.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- P9-VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND huyện NS;
- Chi cục THADS huyện NS;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thu Hương